

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-4-2024

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương

2. Bà Hoàng Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Khải Hoàn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Dương Văn Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2023 về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Hồng T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại bản tự khai ngày 06/01/2023, biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024, nguyên đơn anh Lê Hồng T trình bày:

Anh T1 và chị H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Cả hai sống hạnh phúc với nhau được 8 năm. Trong quá trình chung sống, chị H thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà khiến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Khoảng tháng 3/2022, chị H nói với anh T1 là đi nước ngoài nhưng đến tháng 9/2022 thì bị bắt vì tội trộm cắp tài sản. Sau khi chị H bị bắt thì anh T1 mới biết chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Vì vậy, anh T1 yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh T1 và chị H có 01 con chung là Lê Thị Hoa Q, sinh ngày 25/8/2017. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2023 và ngày 22/01/2024, bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh T1 tự nguyện chung sống với nhau từ khoảng 10 năm trước, hai vợ chồng sống với nhau được khoảng 3 năm mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Hai vợ chồng chung sống đến tháng 5/2022 thì chị H bị bắt nên không còn chung sống từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống thì không có mâu thuẫn gì. Nay anh T1 yêu cầu ly hôn thì chị H đồng ý.

Về con chung: Chị H và anh T1 có 01 con chung là Lê Thị Hoa Q, sinh năm 2017. Hiện nay cháu Q đang ở với anh T1, do anh T1 chăm sóc. Khi ly hôn, chị H đồng ý để anh T1 được trực tiếp nuôi con, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh T1 có tài sản là quyền sử dụng 02 thửa đất. Thửa thứ nhất có diện tích khoảng 1000m² do chị H và anh T1 nhận chuyển nhượng nhưng không nhớ năm, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị H. Thửa đất thứ 2 giáp thửa thứ nhất, diện tích khoảng 1000m² nhận chuyển nhượng của ông Lê Huy S nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất thứ nhất có 01 căn nhà cấp 4. Trên cả 02 thửa đất có xây dựng chuồng trại nuôi heo và trồng tiêu. Ngoài ra còn 01 chiếc xe máy cày và một số vật dụng trong gia đình. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được chia đôi giá trị quyền sử dụng đất cùng căn nhà, chuồng trại, máy cày và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền. Chị H chỉ yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất,. Các tài sản khác không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa anh T1 và chị H, giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Tuấn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T1 và chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, anh T1 có đơn xin vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T1, chị H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh T1 thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên thấy rằng anh T1, chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù lời khai của các bên không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận từ năm 2022, khi chị H bị bắt thì đã không còn chung sống với nhau. Anh T1 yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên, cần chấp nhận.

Về con chung: Anh T1 và chị H có 01 con chung là Lê Thị Hoa Q, sinh năm 2017. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị H đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, cần chấp nhận.

Về tài sản chung: anh T1 trình bày không có tài sản chung. Chị H trình bày có tài sản chung, yêu cầu chia đôi giá trị tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án không thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị H và xác định chị H không yêu cầu nên không xem xét về tài sản chung.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn anh T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, 147; Điều 227, 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Hồng T và chị Nguyễn Thị Ngọc H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2012 ngày 27/11/2012 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao con chung Lê Thị Hoa Q, sinh ngày 25/8/2017 cho anh Lê Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014356 ngày 04/01/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND xã An Khương.
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải